

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Phương

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai V án thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc: Tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa V án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 (có mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu V, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG V ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại bản tự khai cũng tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu V được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 25/02/2015. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ của anh V tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng H phúc được thời gian ngắn sau đó đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V ham chơi, dẫn đến nợ nần nhiều; chị đã khuyên bảo nhiều lần

nhưng anh V không thay đổi nên vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân từ năm 2016 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H trình bày trình bày vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11/12/2016, hiện nay con chung đang ở cùng chị, ly hôn chị xin nuôi con, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Quyền, nghĩa V chung về tài sản và công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết V án, Tòa án đã báo cho anh V nhiều lần nhưng anh V không có mặt. Tòa án đã tiến hành tiến hành thủ tục niêm yết văn bản tố tụng và tiến hành đăng báo thông tin trên báo trung ương và trên đài truyền thanh theo quy định của pháp luật nhưng anh V vẫn không có mặt để giải quyết theo đơn khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của V án: Kể từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết V án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý V án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu V.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11/12/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn; anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung; quyền, nghĩa V chung về tài sản và công sức: Chị H không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ V án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh V cố tình vắng mặt; Tòa án đã tiến hành thủ tục thông tin trên báo Trung ương ba số báo liên tiếp; trên Đài truyền thanh trong ba ngày liên tiếp; trên cổng thông tin điện tử Tòa án và tiến hành thủ tục niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh V vẫn không có mặt để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định anh V đã cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã đưa V án ra xét xử vắng mặt anh V là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H xin được ly hôn anh Nguyễn Hữu V thấy rằng: Chị H và anh V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 25/02/2015, đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại địa phương xã V thể hiện: Trong quá trình chung sống, anh chị nhiều lần xảy ra mâu thuẫn; anh V ham chơi, không chịu làm ăn nên nợ nhiều, vì vậy anh V đã trốn khỏi địa phương, nên vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau để cùng nhau xây dựng H phúc gia đình.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh V để ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung; quyền, nghĩa V chung về tài sản và Công sức:

3.1. Về con chung: Chị H và anh V có một con chung là Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11/12/2016; hiện nay con chung đang ở cùng chị H. Quá trình giải quyết V án, anh V cố tình vắng mặt, do đó, để đảm bảo quyền được chăm sóc, giáo dục của con chung, cần giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.

3.2. Về Quyền, nghĩa V chung về tài sản và công sức: Chị H không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường V Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu V.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11/12/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung thành niên. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003807 ngày 23/11/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị H có mặt được quyền kháng cáo. Anh Nguyễn Hữu V vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho anh V hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã V;
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hán Hương